

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhàn;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1133/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị R, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N1, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Đặng Minh N, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N1, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Chị Đồng Thị R và anh Đặng Minh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2022 và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn chị Đồng Thị R trình bày:

Chị và anh Đặng Minh N tổ chức cưới hỏi vào cuối năm 2012, trước khi cưới anh chị có thời gian tìm hiểu hơn 01 năm, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường Đ cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống phía gia đình chồng, cuộc sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh N ham chơi cờ bạc, nhiều lần đi chơi qua đêm, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường lời qua tiếng lại vì những mâu thuẫn vặt vãnh hàng ngày. Vợ chồng tuy ở chung một nhà nhưng không có quan hệ tình cảm và không ai quan tâm đến ai. Gia đình có động viên nhưng anh chị không thể tiếp

tục chung sống với nhau được. Hiện chị không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Minh N.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung gồm: Đặng Duy K, sinh ngày: 19/3/2013 và Đặng Thanh N2, sinh ngày: 05/02/2015. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị làm nghề thợ may thu nhập bình quân hàng tháng 7.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Theo bản biên bản ghi lời khai ngày 18/5/2022 bị đơn anh Đặng Minh N trình bày:

Anh và chị Đồng Thị R kết hôn năm 2012, có thời gian tìm hiểu ngắn, tự nguyện đi đến hôn nhân, có Giấy đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, không ai nhường nhịn ai. Hiện anh không còn tình cảm với chị R nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung gồm: Đặng Duy K, sinh ngày: 19/3/2013 và Đặng Thanh N2, sinh ngày: 05/02/2015. Anh đồng ý giao các con chung cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng, hiện anh lao động tự do thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị R đối với anh Đặng Minh N.

Về con chung: Giao hai người con chung gồm: Đặng Duy K, sinh ngày: 19/3/2013 và Đặng Thanh N2, sinh ngày: 05/02/2015 cho chị Đồng Thị R tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động được. Buộc anh N cấp dưỡng cho chị R nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ: Chị R và anh N không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị R và anh N chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị R yêu cầu cho chị được ly hôn với anh N và yêu cầu giải quyết về con chung, nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn anh N đang cư trú tại phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh N có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị R và anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị R và anh N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, luôn kình cãi, không ai nhường nhịn ai, gia đình hòa giải nhưng anh chị cũng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị R. Qua trên, thể hiện mục đích hôn nhân của anh N và chị R không đạt được, do đó việc chị R yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Vợ chồng có 02 người con chung Đặng Duy K, sinh ngày: 19/3/2013 và Đặng Thanh N2, sinh ngày: 05/02/2015. Chị R yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai người con chung. Thời gian qua các cháu ở với mẹ đã thích nghi việc ăn uống, học hành, qua lời trình bày của cháu K và cháu N2 đều mong muốn được ở với mẹ, anh N cũng đồng ý giao hai người con chung cho chị R nuôi dưỡng sau ly hôn. Yêu cầu của chị R là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị R yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, mỗi người con mỗi tháng là 1.000.000đ, anh N cũng thống nhất với mức cấp dưỡng trên. Qua xem xét mức thu nhập của anh N cũng như mức chi phí sinh hoạt của trẻ em hiện nay thì mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị R về mức cấp dưỡng trên được HĐXX chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6/2022 còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị R và anh N không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và anh N phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[8] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Thị R ly hôn đối với anh Đặng Minh N.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Giao hai người con chung tên Đặng Duy K, sinh ngày: 19/3/2013 và tên Đặng Thanh N2, sinh ngày: 05/02/2015 cho chị R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung tên Đặng Duy K và tên Đặng Thanh N2, mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: chị R và anh N không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị R phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005221 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Buộc anh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị R và anh Đặng Minh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường Đ;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh